

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
(VIS)

HÀ NỘI 04/2016

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 09 năm 2014.

Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC).

Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 686/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp trên cơ sở Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam cũ.

Tên giao dịch của Công ty: **VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt của Công ty: **VIS**

Vốn điều lệ theo Giấy phép số 118/GP-UBCK ngày 15/9/2014 là: 60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 - Phố Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Định hướng phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) xác định mục tiêu trở thành một công ty chứng khoán phát triển lành mạnh, bền vững, mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông và cán bộ nhân viên của Công ty.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình kinh tế vĩ mô

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015 ghi nhận những tín hiệu tăng trưởng tích cực. Sự phục hồi có thể thấy rõ qua những chuyển biến khả quan của thị trường tài chính, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, lãi suất cho vay giảm và tỷ giá đồng tiền nội tệ đã được kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên, trong năm 2015 cũng chứng kiến nhiều bất ổn, cả trên bình diện quốc tế cũng như bản thân nội tại của nền kinh tế. Sau 3 năm liên tục xuất siêu, năm 2015 cán cân thương mại Việt nam thâm hụt 3,2 tỷ USD, trong đó chủ yếu là nhập siêu từ các nước trong khu vực ASEAN, Hàn Quốc và Trung Quốc. Giá dầu giảm mạnh và diễn biến

bất ổn của đồng Nhân dân tệ (CNY) đã ảnh hưởng tiêu cực lên nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Chốt năm 2015, chỉ số VN-Index đạt 579,03 điểm tăng 6,11%; HNX-Index đạt 79,96 điểm, giảm 3,6% so với năm 2014. Trong khi vốn hóa thị trường đạt hơn 1.298,53 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm 2014, trong đó vốn hóa trên sàn HOSE tăng 16,4%, HNX tăng 11,5%, thì tổng giá trị giao dịch trên HOSE và HNX lại giảm tương ứng 15,8% và chỉ đạt hơn 617 nghìn tỷ đồng.

Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu trong năm 2015 đạt được kết quả tích cực, cụ thể như sau:

- GDP tăng 6,68% và đạt cao nhất trong 5 năm qua, vượt kế hoạch đề ra là 6,2%, trong đó khu vực nông-lâm nghiệp và thủy sản (đóng góp 0,4 điểm phần trăm), khu vực công nghiệp và xây dựng (3,2 điểm phần trăm), khu vực dịch vụ (2,43 điểm phần trăm) là những khu vực có đóng góp đáng kể vào mức tăng chung.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2015 tăng 0,63% so với năm 2014, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 5% của Quốc hội đặt ra và là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2001 trở lại đây, thể hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ tiếp tục được thực hiện thành công, góp phần quan trọng giúp các doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm, kích thích tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng.
- Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục có xu hướng ổn định, duy trì ở mức 4,5 – 5,4%/năm với kỳ hạn dưới 6 tháng và 5,4 – 7,2%/năm với kỳ hạn trên 6 tháng, giúp tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay của các ngân hàng, đây là mức lãi suất rất thấp trong vòng 10 năm trở lại đây và sẽ là một điều kiện thuận lợi giúp cho các doanh nghiệp vay vốn một cách có hiệu quả để triển khai các hoạt động kinh doanh.
- FDI đăng ký trong năm 2015 đạt 22,76 tỷ USD với 2.013 dự án cấp phép mới và 814 dự án tăng thêm vốn, tăng 12,6% so với năm 2014, trong đó vốn thực hiện đạt 14,5 tỷ USD, tăng 17,4% so với năm 2014 và tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến và chế biến (chiếm khoảng 72%), là những ngành nghề thiên về việc sử dụng nhân công giá rẻ và lao động phổ thông.
- Hệ thống ngân hàng trong năm 2015 tiếp tục đối mặt với những khó khăn, cụ thể là tỷ lệ nợ xấu mặc dù đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, chất lượng tín dụng chưa được như mong muốn, tuy nhiên dự trữ ngoại hối vẫn tăng cao trong năm 2015 (ước đạt 38 tỷ USD) và tỷ giá ngoại tệ được kiểm soát trong biên độ cho phép. Một nét nổi bật trong quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thời gian vừa qua là việc giảm bớt số lượng các Ngân hàng thương mại yếu kém thông qua việc sáp nhập, đồng thời sắp xếp lại các tổ chức tín dụng phi ngân hàng và Quỹ tín dụng nhân dân. Trong năm 2015, thông tư 36 tiếp tục có những tác động đáng kể đối với hệ thống ngân hàng như: quy định chặt chẽ hơn về giới hạn cho vay, thắt chặt kiểm soát đối với sở hữu chéo giữa các TCTD,... Các quy định giới hạn này trong ngắn hạn tiếp tục gây áp lực cho hệ thống ngân hàng, song về trung và dài hạn, đây là bước đi tích cực trong quá trình tái cơ cấu ngành, giúp hệ thống ngân hàng phát triển lành mạnh, bền vững và hiệu quả hơn. Thông tư 36 cũng tác động mạnh lên thị trường chứng khoán như: quy định về giới hạn ngân hàng cho vay đầu tư cổ phiếu không được vượt quá 5% vốn điều lệ (trước đây tỷ lệ này là 20%), hay ngân hàng chỉ được cho vay đầu tư chứng khoán khi đáp ứng được đầy đủ các tỷ lệ an toàn hoạt động và có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%,...

2. Tình hình thị trường chứng khoán

Năm 2015 là năm thị trường chứng khoán trải qua nhiều biến cố thăng – trầm, có lúc thị trường bứt phá nhờ kỳ vọng nới room, hiệp định TPP và có lúc sóng gió bởi giá dầu quốc tế, đồng USD, NDT, lãi suất..., cụ thể như sau:

- **Từ tháng 1 đến 05/03/2015:** VN-Index tăng mạnh từ mức 526 điểm và đạt đỉnh tại 602 điểm, tương ứng với tỷ lệ tăng 14,45%. HNX-Index cũng tăng từ 82,74 điểm lên 86,81 điểm, tương ứng với tỷ lệ tăng là 4,92%. Nguyên nhân chủ yếu là sự kỳ vọng lạc quan về tình hình kinh tế vĩ mô, kích thích tăng trưởng kinh tế khi ký kết các hiệp định TPP, FTA, nới room cho nhà đầu tư nước ngoài.
- **Từ 05/03 đến 18/05:** Vnindex điều chỉnh và bước vào xu hướng giảm điểm, từ 602 điểm về mức đáy 529 điểm ngày 18/05. Giai đoạn này khiến nhà đầu tư nhớ về sự kiện Biển Đông năm 2014. Hàng loạt cổ phiếu giảm sâu đầu tháng 5 chủ yếu thuộc lĩnh vực dầu khí.
- **Từ 18/05 đến 15/07:** Vnindex bước vào xu hướng tăng điểm, từ 529 lên tới đỉnh 641, đây là giai đoạn tăng mạnh và cũng chính là cơn sóng lớn nhất của năm. Giai đoạn này Chính thức ký kết FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á Âu (29/05), nhóm cổ phiếu dệt may (TCM, TNG, GMC..), Thủy sản (VHC, HVG..) tăng giá khá mạnh. Bên cạnh đó, giai đoạn này nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm cũng tăng giá mạnh và đóng vai trò “dẫn sóng”, hàng loạt cổ phiếu ngành tài chính tăng giá khá ấn tượng.
- **Từ 15/07 đến 25/08:** Vnindex quay đầu giảm điểm từ 641 về đáy 511, giai đoạn này dòng ngân hàng và bảo hiểm đạt đỉnh và chấm dứt xu hướng tăng giá. Bên cạnh đó, ngày 11/8, Trung Quốc đã chính thức tuyên bố phá giá nhân dân tệ 1,9%, chỉ trong vòng 3 ngày, đồng NDT đã giảm 4,6 % so với đồng USD, buộc Việt Nam phải điều chỉnh tỷ giá mạnh, nới tỷ giá tăng 2 lần và nới rộng biên độ, đưa mức tăng tối đa VND lên +5% đã ảnh hưởng khá lớn đến tâm lý thị trường.
- **Từ 25/08 đến 4/11:** Vnindex trở lại xu hướng tăng điểm từ đáy 511 lên đỉnh 617. Thông tin Nghị định 60 không giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tháng 9 và việc Việt Nam cùng 11 đối tác đã kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) vào ngày 5/10/2015 đã ảnh hưởng tích cực đến thị trường. Bên cạnh đó, sự kiện SCIC quyết định thoái vốn khỏi 10 "ông lớn" được công bố vào ngày 14/10 cũng đã khiến các cổ phiếu như VNM, FPT, NTP, BMP... tăng giá tích cực.
- **Từ 4/11- Cuối Năm:** Vnindex bước vào xu hướng điều chỉnh giảm từ đỉnh 617 với thanh khoản ảm đạm. Việc FED đã nhất trí nâng lãi suất lần đầu tiên trong gần 1 thập kỷ, từ mức 0 – 0,25% lên 0,25 – 0,5% và cú trượt dốc của giá dầu thô thế giới vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại, xuống gần mức thấp kỷ lục của năm 2008, giao dịch quanh mốc dưới 40 USD/thùng và đang làm dấy lên những lo ngại có thể rơi về mức 20USD/thùng đã ảnh hưởng lớn đến tâm lý chung của thị trường, đặc biệt là nhóm cổ phiếu dầu khí.

Kết thúc năm 2015, VN Index đạt mức 579,03 điểm, tăng 6,11% so với năm 2014, HNX-Index đạt mức 79,96 điểm, giảm 3,6% so với năm 2014 và là một năm giao dịch đầy cảm xúc cho rất nhiều nhà đầu tư.

Năm 2015, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 617 nghìn tỷ đồng, giảm 15,8% so với năm 2014, giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 2.337 tỷ đồng, trong đó giao dịch của khối ngoại tiếp tục có sự ảnh hưởng nhất định đến thị trường, chiếm khoảng 23,2% tổng giá trị giao dịch. Tuy nhiên, giá trị mua ròng của khối này lại có sự sụt giảm liên tiếp, năm 2014 giảm 45,4% so với 2013, năm 2015 giảm 22,5% so với năm 2014.

Bên cạnh đó, việc tập trung tái cơ cấu công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ theo hướng giảm số lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ, UBCKNN đã tái cơ cấu 24 công ty chứng khoán, 8 công ty quản lý quỹ. Tính đến nay, trên thị trường hiện chỉ còn 81 công ty chứng khoán đang hoạt động, giảm 23% tổng số công ty chứng khoán.

3. Hoạt động của VIS trong năm 2015

3.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2015, Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) tập trung vào triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh sau tái cơ cấu công ty. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng tài sản	251.286	230.875
2	Vốn chủ sở hữu	60.543	63.188
3	Vốn điều lệ	60.000	60.000
4	Doanh thu thuần	13.045	38.002
5	Chi phí hoạt động và quản lý doanh nghiệp	10.942	35.194
6	LN thuần từ kinh doanh	2.101	2.808
7	LN khác	(1.827)	106
8	Tổng LN trước thuế	274	2.914
9	LNST	219	2.743

(Nguồn: BCTC 2015 đã kiểm toán)

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán cho giai đoạn từ 1/1/2015 đến ngày 31/12/2015 thì VIS đã đạt được doanh thu là 38,002 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ môi giới là 14,709 tỷ (chiếm 38%), doanh thu từ hoạt động tư vấn là 16,515 tỷ (chiếm 43%).

3.2 Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên HĐQT công ty đến thời điểm 31/12/2015 gồm có:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
-----	--------	---------	---------

1	Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch	
2	Ninh Quang Hải	Thành viên	
3	Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên	
4	Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên, TGD	Bổ nhiệm TV HĐQT 23/4/2015 và TGD ngày 14/7/2015
4	Cao Thanh Định	Thành viên, TGD	Từ nhiệm từ 15/7/2015
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên, PTGD	Từ nhiệm từ 2/2/2015

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp, đồng thời cũng đưa ra những quyết định nhanh chóng, kịp thời về chiến lược, định hướng hoạt động của VIS. Trong năm 2015, HĐQT cũng đã ban hành 12 Nghị Quyết liên quan đến nhân sự và hoạt động của VIS.

Trong thành phần của HĐQT VIS có thành viên Ban Điều hành (Ông Cao Thanh Định kiêm Tổng Giám đốc, từ nhiệm ngày 14/7/2015 và Ông Nguyễn Thanh Tuyền kiêm Tổng giám đốc, bổ nhiệm ngày 14/7/2015) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty, hoạt động của Ban Điều hành cho HĐQT rất thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Điều hành cũng được thực hiện qua Báo cáo hoạt động định kỳ của Tổng Giám đốc trình bày cho các thành viên HĐQT.

3.3 Các hoạt động nghiệp vụ chính

a. Hoạt động môi giới

Về định hướng chiến lược: Hoạt động môi giới và giao dịch của VIS kế thừa nền tảng từ các năm trước về khách hàng, hỗ trợ tài chính, đồng thời tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng để thu hút giao dịch.

Về tổ chức hoạt động giao dịch chứng khoán: Trong năm 2015, hoạt động giao dịch của VIS luôn được duy trì liên tục, thông suốt và ổn định. Các giao dịch tiền và chứng khoán của khách hàng được kiểm soát chặt chẽ, nhân viên giao dịch có tư cách đạo đức tốt, luôn tuân thủ các nguyên tắc về giao dịch nên trong năm 2015 không có bất cứ một trường hợp nào làm sai quy định của công ty về tiền và chứng khoán của khách hàng.

Đối với nghiệp vụ giao dịch ký quỹ: VIS đã được UBCKNN chấp thuận về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ vào tháng 9 năm 2015.

Công tác kiểm soát: Công tác kiểm soát luôn được chú trọng, kiểm soát chặt chẽ lệnh đặt của khách hàng trên cơ sở kiểm tra, giám sát các quy trình thực hiện nghiệp vụ, soát lệnh trên hệ thống.

Kết quả hoạt động: Hoạt động môi giới là hoạt động mang lại doanh thu chủ đạo cho VIS trong năm 2015, tổng giá trị giao dịch của VIS trong năm 2015 là 8.767 tỷ đồng, tương đương 35,35 tỷ đồng giá trị giao dịch/ngày, chiếm 0,81% thị phần môi giới của toàn thị trường. Đây là nỗ lực rất lớn của bộ phận môi giới cũng như các bộ phận hỗ trợ khác như dịch vụ tài chính, nguồn vốn,.. do số lượng nhân sự môi giới trong năm 2015 không tăng

thêm, trong khi đó nguồn vốn dùng cho hỗ trợ tài chính khách hàng thì luôn ở mức rất khó khăn, không đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng.

b. Hoạt động hỗ trợ tài chính

Hoạt động hỗ trợ tài chính của VIS trong năm 2015 đã hoạt động khá hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho hoạt động môi giới, tuy nhiên do nguồn vốn còn hạn chế nên khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng là có hạn. Trong năm 2015, tổng giá trị ứng trước của khách hàng là hơn 411 tỷ đồng, tổng giá trị hỗ trợ tài chính là hơn 26.822 tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động này góp phần quan trọng trong tổng doanh thu của VIS trong năm 2015.

c. Hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư

Nhân sự cho hoạt động tư vấn biến động mạnh, năm 2015, hoạt động tư vấn gồm có 02 nhân sự thực hiện chính (Hội sở: 01 nhân sự, chi nhánh 01 nhân sự), đến thời điểm cuối năm chỉ còn lại 01 nhân sự tại Hội sở. Hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư tuy không đóng góp nhiều vào doanh thu chung của công ty nhưng vẫn đảm bảo cao hơn chi phí phát sinh cho hoạt động này, đồng thời phát triển thêm các hợp đồng tư vấn tạo nền tảng doanh số cho năm 2016. Tổng doanh thu từ hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư trong năm 2015 là 2,45 tỷ đồng.

d. Hoạt động khác

Phòng Công nghệ thông tin:

- Giám sát và duy trì hoạt động an toàn, ổn định toàn bộ hệ thống hạ tầng CNTT.
- Định hướng duy trì và phát triển CNTT. Đưa ra kế hoạch phát triển CNTT ngắn hạn và dài hạn.
- Rà soát, điều phối lại công việc và đưa ra định hướng phát triển của từng nhân sự Phòng CNTT.
- Phát triển phần mềm quản lý margin, bảng giá, một số module phần mềm khác. Chỉnh sửa và nâng cấp website, VISUtils.
- Rà soát và quy hoạch lại sử dụng hệ thống đường truyền ổn định, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm hơn.

Phòng Hành chính Nhân sự:

Số lượng nhân viên của VIS cuối năm 2015 là 34 người, trong đó 17 người đã có chứng chỉ hành nghề chứng khoán, đáp ứng yêu cầu của UBCKNN về số lượng nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho từng nghiệp vụ kinh doanh. Các hoạt động chủ yếu trong năm gồm có:

- Quản lý các tài sản của công ty. Thực hiện kiểm kê, giám sát việc sử dụng hợp lý các tài sản nhằm tiết giảm tối đa chi phí hành chính cho công ty.
- Đầu mối tìm kiếm và khai thác các nhà cung cấp (mua/bán thiết bị, cung ứng dịch vụ bảo hành, sửa chữa tài sản) với mức chi phí hợp lý nhất.
- Tổ chức và thực hiện các hoạt động tuyển dụng của công ty.
- Đầu mối đề xuất và tổ chức các hoạt động phúc lợi cho nhân viên như: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV, tổ chức đi nghỉ mát cho CBNV,...

4. Định hướng phát triển

4.1 Dự báo nền kinh tế vĩ mô

4.1.1 Định hướng nền kinh tế năm 2016

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đã được đặt ra trong năm 2016 gồm có:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,7%;
- Kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%;
- Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu dưới 5%;
- Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) dưới 5%
- Tăng trưởng tín dụng: 18% - 20%
- Phá giá VND: tiếp tục cơ chế điều hành chính sách tiền tệ, linh hoạt và biên độ tỷ giá bình quân liên ngân hàng 2% - 3%

Dự báo một số vấn đề kinh tế vĩ mô trong năm 2016 như sau:

- Kinh tế tăng trưởng sẽ thuận lợi hơn: với mức tăng trưởng trong năm 2015, nền kinh tế Việt nam đã có những sự phục hồi rõ nét, chủ yếu nhờ các yếu tố nội tại bên trong như: (i) tổng cầu hồi phục nhờ tiêu dùng phục hồi, (ii) lạm phát thấp giúp cải thiện sức mua, (iii) đầu tư tư nhân cải thiện do môi trường vĩ mô ổn định tạo niềm tin cho doanh nghiệp và các hộ gia đình, (iv) khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cao hơn sau khi TPP được ký kết, (v) cơ sở pháp lý tiếp tục được hoàn thiện với nhiều Luật sửa đổi quan trọng có hiệu lực trong năm 2015 như Luật đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật kinh doanh bất động sản,
- Tỷ lệ lạm phát được dự báo vào khoảng 2,5%, chủ yếu đến từ việc tăng giá của các mặt hàng dưới sự điều hành của Chính phủ như Điện, nước, Y tế, Giáo dục, xăng dầu,... Bên cạnh đó do giá năng lượng và nhiều loại hàng hóa đã ở mức thấp kỷ lục trong năm 2015, có khả năng sẽ điều chỉnh tăng nhẹ, cùng với hiện tượng El Nino đang tác động bất lợi đến nguồn cung gạo, có thể khiến giá gạo cao hơn trong năm nay.
- Bên cạnh những yếu tố thuận lợi vẫn còn tồn tại những thách thức như (i) kinh tế toàn cầu tiếp tục đã phục hồi chậm và diễn biến phức tạp do tác động đan xen chính sách của các nước lớn, (ii) giá dầu giảm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách và khả năng đáp ứng vốn cho đầu tư phát triển, (iii) việc IMF công nhận đồng NDT tham gia rổ tiền tệ dự trữ quốc tế có thể đưa tới những hệ lụy khác đ-án định cho Việt nam khi bị thâm hụt thương mại và đầu tư quy mô lớn với Trung quốc.

4.1.2 Thị trường chứng khoán năm 2016

Tiếp nối đà phục hồi tích cực trong năm 2015 cùng với định hướng điều hành kinh tế của Chính phủ trong năm 2016 với kỳ vọng tăng trưởng kinh tế cao hơn năm trước, lạm phát tiếp tục được duy trì ở mức hợp lý, mặt bằng lãi suất giảm ở mức thấp, các chính sách tiền tệ, vĩ mô tiếp tục được điều hành linh hoạt và có tính kích thích nhiều hơn, hỗ trợ doanh nghiệp tốt hơn,...thị trường chứng khoán trong năm 2016 được nhận định sẽ có nhiều triển vọng tăng trưởng.

Cùng với lãi suất duy trì ở mức thấp, giá dầu giảm mạnh trên 50% so với giá đỉnh trong năm 2014 và hiện đang duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực lên kết quả kinh doanh

hiều công ty niêm yết. Giá dầu giảm cũng kéo theo nhiều loại hàng hóa, nguyên liệu phụ liệu trên thế giới giảm. Chi phí sản xuất giảm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cải thiện kết quả kinh doanh. Quá trình này cũng sẽ làm hồi sinh nhiều ngành phục hồi chậm hơn so với diễn biến thị trường như vận tải, tác động rõ rệt với những ngành sử dụng sản phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ và gas mang lại những cơ hội mới cho thị trường.

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và rút ngắn thời gian đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch sau cổ phần hóa từ 90 xuống còn 60 ngày sẽ tạo sức hấp dẫn cho hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, giúp cho thị trường và nhà đầu tư có thêm nhiều hàng hóa và cơ hội lựa chọn.

Các chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán bắt đầu có hiệu lực từ năm 2015 tiếp tục là tiền đề quan trọng hỗ trợ cho thị trường trong năm 2016 như: (i) Chính thức nới room cho nhà đầu tư nước ngoài; (ii) Xác lập lộ trình và định hình khung pháp lý cho TTCK phái sinh dự kiến đưa vào hoạt động cuối năm 2016; (iii) Rút ngắn thời gian hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán từ T+3 về T+2; (iv) Cho phép nhà đầu tư đặt lệnh vừa mua vừa bán trong từng lần khớp lệnh liên tục, bán chứng khoán chờ về, giao dịch trong ngày,... sẽ có hiệu lực trong năm 2016.

Các hiệp định quan trọng đã kết thúc đàm phán như: TPP, Hiệp định liên minh thuế quan, Hiệp định song phương VN – EU sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp trong nước nói riêng và nền kinh tế nói chung. Nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục hội nhập sâu rộng vào khu vực và quốc tế. Đây cũng là động lực phát triển không nhỏ cho các quốc gia định hướng xuất khẩu như Việt Nam, mở ra cơ hội xuất khẩu cho nhiều ngành cũng như sẽ đẩy nhanh quá trình cải cách và cơ cấu nền kinh tế.

Tuy nhiên, trong năm 2016 cũng tồn tại một số rủi ro và thách thức cho thị trường chứng khoán, cụ thể như sau:

- Chu kỳ kinh tế đã bước vào giai đoạn tăng trưởng ổn định, không còn yếu tố đột biến như giai đoạn trước;
- Nền kinh tế thế giới bất ổn, suy thoái, tăng trưởng chậm, cùng với đó là các thị trường chứng khoán bước vào chu kỳ giảm sẽ ảnh hưởng tới nền kinh tế của Việt Nam và các vấn đề vĩ mô khác, cũng như dòng vốn rút khỏi thị trường, gây hiệu ứng tâm lý cho nhà đầu tư;
- Nguồn vốn cầu cổ phiếu gồm vốn nội và vốn ngoại đang yếu đi rõ nét. Vốn ngoại đã giảm trong 2 năm nay, hiện tại có dấu hiệu rút vốn trong khi vốn nội cũng giảm sút mạnh;
- Nguồn cung cổ phiếu liên tục tăng mạnh trong các năm qua và trong năm 2016 khiến chênh lệch cung cầu cổ phiếu mất cân bằng, gây áp lực cho sự tăng giá cổ phiếu, đồng thời cũng tạo ra sự phân hóa mạnh trên thị trường;
- Các vấn đề địa chính trị ngày càng phức tạp, khó giải quyết và lan rộng khiến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội mất ổn định, tác động đến tâm lý nhà đầu tư.

4.2 Định hướng hoạt động của VIS

4.2.1 Mục tiêu hoạt động của VIS:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) xác định mục tiêu trở thành một công ty chứng khoán phát triển lành mạnh, bền vững, mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông và cán bộ nhân viên của Công ty.

4.2.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn của VIS:

Với mục tiêu phát triển bền vững, VIS tập trung vào việc nâng cao và phát triển những yếu tố sau:

- Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại;
- Tăng cường năng lực tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường;
- Đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên đi đôi với việc tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư.

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2016

Kết thúc năm 2015 với mục tiêu chính là duy trì và ổn định hoạt động kinh doanh sau tái cơ cấu công ty. Bước sang năm 2016, VIS định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng tầm cạnh tranh trên cơ sở ưu tiên duy trì an toàn hoạt động, hạn chế rủi ro. Thời gian tới, VIS sẽ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động quản trị rủi ro, từng bước tiến tới tự động hóa hoàn toàn nghiệp vụ hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư, nâng cao chất lượng hoạt động, phát triển các sản phẩm tài chính hỗ trợ giao dịch, thúc đẩy hoạt động tư vấn, hỗ trợ khách hàng và tăng cường hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp.

- Hoạt động môi giới: Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, VIS sẽ tập trung mở rộng hoạt động môi giới chứng khoán và các dịch vụ tài chính đi kèm (giao dịch TO, GDKQ, ứng trước tiền bán chứng khoán...) thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc và phát triển khách hàng, đồng thời mở rộng đối tượng khách hàng, tăng quy mô cung cấp các dịch vụ tài chính đi kèm hoạt động môi giới.
- Hoạt động tư vấn: Tuyển dụng thêm nhân sự có chuyên môn, trình độ nhằm triển khai các nghiệp vụ tư vấn truyền thống như: phát hành, niêm yết, đăng ký chứng khoán,.... đồng thời tập trung phát triển các hoạt động tư vấn tái cấu trúc tài chính, M&A. Mục tiêu trước mắt là duy trì được các khách hàng truyền thống, tiến tới tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, hoạt động tư vấn tiếp tục là tiền đề quan trọng để Công ty mở rộng, khai thác nhằm hỗ trợ cho hoạt động môi giới.
- Các hoạt động khác: Tài chính – Kế toán, Lưu ký chứng khoán, Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Công bố thông tin, Công nghệ thông tin,.... đảm bảo thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và nguyên tắc hoạt động của Công ty.
 - o Công nghệ thông tin: tập trung nâng cao công nghệ hiện đại, hỗ trợ tối đa cho giao dịch nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho khách hàng và cho Công ty. Trong năm 2016, Phòng công nghệ thông tin sẽ tập trung vào các việc chính sau:
 - Nâng cấp website theo hướng thân thiện, dễ sử dụng, đầy đủ thông tin cần thiết và tăng cường tiện ích truy cập của khách hàng.
 - Phát triển phần mềm margin với mục tiêu tự động hóa và quản lý rủi ro tối đa.
 - Tiếp tục hoàn thiện tự động hóa một số nhiệm vụ đóng ngày, mở ngày, kiểm tra, backup hệ thống giao dịch. Hạn chế tối đa các trường hợp sơ xuất do làm bằng tay
 - Tăng cường tính năng sử dụng bảng giá: hiện đồ thị index, đồ thị giao

dịch trong ngày, từng mã, chọn mã hiển thị, ...

- Triển khai việc kết nối đường truyền MPLS với Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh theo lộ trình và lịch thông báo của Sở để thay thế cho đường leased-line hiện tại.
 - Nghiên cứu, thực hiện giải pháp kết nối cổng thông tin VSD khi có yêu cầu và lịch cụ thể từ VSD.
- Kiểm soát nội bộ: Nâng cao hoạt động kiểm soát hàng ngày, giám sát chặt chẽ các hoạt động của công ty, kịp thời cảnh báo và có các đề xuất để hoàn chỉnh hoạt động của Công ty.
 - Tài chính – Kế toán: triển khai phần mềm kế toán mới nhằm kiểm soát chất lượng và hiệu quả công việc, kiểm soát chặt chẽ chi phí, phân bổ chi phí một cách hợp lý nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho công ty.
 - Hành chính – Nhân sự: Tập trung công tác tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, ưu tiên tập trung cho bộ phận kinh doanh, đồng thời xây dựng chế độ quyền lợi cho nhân viên mang tính cạnh tranh trên thị trường nhằm thu hút nguồn nhân lực.
- Kế hoạch kinh doanh năm 2016 cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

	CHỈ TIÊU	2016
A	KẾT QUẢ KINH DOANH	
I	DOANH THU	56.067
	Dịch vụ chứng khoán	53.614
	Ngân hàng đầu tư	2.453
II	CHI PHÍ	42.562
III	LÃI/LỖ TRƯỚC XỬ LÝ, TRÍCH DỰ PHÒNG	13.505
B	HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI	
	Giá trị giao dịch	16.442.000
	Thị phần	1.00%
	Số lượng tài khoản GDCK	10.100
C	NGUỒN VỐN	
	Vốn điều lệ	135,000

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	31/12/2015
I. Cơ cấu tài sản		
1. Tài sản dài hạn/Tổng TS	%	2%
2. Tài sản ngắn hạn/Tổng TS	%	98%
II. Cơ cấu nguồn vốn		
1. Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73%
2 Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	27%
III. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh	lần	1.31
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.35
IV. Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	%	1.19%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7.22%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	4.34%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư của CSH	%	4.57%
V. Các hệ số theo qui định ngành		
Tổng nợ/Vốn CSH	lần	2.65
Giá trị tài sản cố định/VĐL	%	3.54%
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	1.35

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
 - o Cổ phiếu phổ thông: 6.000.000 (Sáu triệu)

- Cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ phiếu quỹ: không có .
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không có.
- Cổ tức/lợi nhuận năm 2015: Không có.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Về hoạt động môi giới và giao dịch chứng khoán

- Bám sát thông tin thị trường, tư vấn hiệu quả cho khách hàng
- Đội ngũ môi giới quan hệ tốt với khách hàng
- Tạo thói quen sử dụng Internet cho hầu hết các khách hàng
- Tổng số tài khoản 31/12 là 9.193
- Giá trị giao dịch bình quân: 35,35 tỷ/ngày
- Thị phần bình quân 0.81%

2.2. Hoạt động tư vấn doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng với Khách hàng đã có quan hệ: SCIC, bộ Quốc phòng, Bộ tài chính, ngành khoáng sản,...
- Xây dựng chiến lược khách hàng hướng tới đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Quy trình tư vấn có mức độ chuẩn hóa cao, chất lượng tư vấn được đánh giá tốt so với mặt bằng các doanh nghiệp cùng lĩnh vực
- Nhân viên đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình tham gia với các đối tác lớn.

2.3. Các bộ phận hỗ trợ

- Hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của Công ty
- Bộ máy gọn nhẹ, tinh giảm, vận hành đi vào nề nếp
- Cách thức truyền thông được cải thiện, NV gắn bó và chia sẻ nhiều hơn.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Tuân thủ ISO và các quy định liên quan đến quản lý rủi ro.
- Nhân viên nhanh nhạy với các diễn biến thị trường.
- Tập hợp được danh sách khách hàng khá trung thành.
- Khả năng tự hoàn thiện nhanh.

4. Bên cạnh những tiến bộ còn có những hạn chế:

- Khách hàng tổ chức còn ít, chưa hoạt động tích cực.
- Do cắt giảm chi phí nên không có hoạt động PR trong năm, vì thế hình ảnh công ty không được quảng bá rộng.

- Sản phẩm online chưa mang tính trọn gói, chưa tạo được khác biệt so với doanh nghiệp cùng ngành.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tăng cường chất lượng hoạt động môi giới.
- Tăng cường củng cố và kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng ngày càng chuyên nghiệp.
- Tập trung phát triển các dịch vụ online tiện ích cho khách hàng.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán viên

Số: 125.3/2015/BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam được lập ngày 24 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ

tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc rõ rằng:

1. Khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng số 01/HĐHTĐT-VIS ngày 19/12/2014 số tiền 13.428.000.000 VND (như đã trình bày tại Thuyết minh số V.03 – Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) chiếm 21,25% Vốn chủ sở hữu vượt tỷ lệ quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Hợp đồng này đã được thanh lý, toàn bộ số tiền gốc và lãi của khoản đầu tư này đã được bên đối tác thanh toán sau ngày khóa sổ kế toán năm 2015.

2. Tại ngày 31/12/2015, Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa là 15.567.798.650 VND chiếm 24,64% Vốn chủ sở hữu vượt tỷ lệ quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1129-2014-045-1

Kiểm toán viên

(Đã ký)

NGUYỄN TIẾN THÀNH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1706-2014-04

2. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 09 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC).

Tên giao dịch của Công ty: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES COMPANY

Tên viết tắt của Công ty: VISECURITIES

Vốn điều lệ theo Giấy phép số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 là: **60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 - Phố Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Ông Ninh Quang Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các báo cáo tài chính, sổ sách và chứng từ kế toán cho các Kiểm toán viên.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

T.M Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

NGUYỄN THANH TUYỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.528.837.427	243.920.891.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	43.851.822.065	81.896.621.588
1. Tiền	111		43.851.822.065	75.896.621.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.341.060.903	28.826.198.119
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	31.582.717.133	31.582.808.533
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.241.656.230)	(2.756.610.414)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	146.365.448.041	125.316.687.308
1. Phải thu khách hàng	131		35.680.249.849	35.925.527.237
2. Trả trước cho người bán	132		86.767.330	262.267.330
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		106.900.157.146	84.717.706.836
5. Các khoản phải thu khác	138		10.998.439.673	9.105.724.118
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.300.165.957)	(4.694.538.213)
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.970.506.418	7.881.384.520
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		107.933.003	813.339.082
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	16.500
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		809.380.655	809.380.655
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	6.053.192.760	6.258.648.283
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.346.971.837	7.365.297.082
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		2.123.775.749	5.757.198.779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1.227.285.907	3.538.202.779
- Nguyên giá	222		26.696.165.595	25.809.106.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.468.879.688)	(22.270.903.841)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	896.489.842	2.218.996.000
- Nguyên giá	228		12.677.194.332	12.677.194.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.780.704.490)	(10.458.198.332)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		900.000.000	900.000.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	900.000.000	900.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.323.195.088	708.098.303
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	319.735.800	375.989.003
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	487.920.061	120.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	515.540.227	212.109.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		230.875.809.264	251.286.188.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		167.687.192.743	190.742.555.752
I. Nợ ngắn hạn	310		167.221.485.192	190.418.504.706
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	77.750.000.000	112.900.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.12	16.665.622.782	16.665.622.782
3. Người mua trả tiền trước	313		121.000.000	35.750.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	666.682.316	489.040.957
5. Phải trả người lao động	315		12.552.469	70.273.716
6. Chi phí phải trả	316	V.14	2.313.626.520	1.974.577.676
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	31.841.689.922	6.092.384.858
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.16	37.830.504.060	52.020.220.118
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		19.807.123	157.486.782
15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	13.147.817
II. Nợ dài hạn	330		465.707.551	324.051.046
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		465.707.551	324.051.046
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.188.616.521	60.543.632.865
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	63.188.616.521	60.543.632.865
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		98.746.659	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		21.943.702	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.067.926.160	543.632.865
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		230.875.809.264	251.286.188.617

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		1.120.038.220.000	924.044.300.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		754.506.470.000	814.928.260.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		1.346.400.000	1.346.780.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		748.453.880.000	809.092.260.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		4.706.190.000	4.489.220.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		11.206.780.000	81.844.280.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		11.206.780.000	81.844.280.000

6.3. Chứng khoán cầm cố	017		329.286.680.000	-
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		329.286.680.000	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		24.099.200.000	27.271.760.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		24.099.200.000	27.271.760.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		939.090.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		937.130.000	-
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		1.960.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		31.753.690.000	-
7.1. Chứng khoán giao dịch	051		20.873.690.000	-
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		1.893.380.000	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		18.805.360.000	-
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		174.950.000	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		7.100.000.000	-
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		7.100.000.000	-
7.3. Chứng khoán cầm cố	061		3.780.000.000	-
7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		3.780.000.000	-

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

NGUYỄN QUỲNH MAI

NGUYỄN BÍCH DIỆP

NGUYỄN THANH TUYỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2015**Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.18	38.002.619.103	13.121.904.847
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		14.709.376.225	5.905.705.488
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.153.850.480	33.197.749
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		16.515.463.941	5.892.003.533
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		672.147.476	218.999.365
- Doanh thu khác	01.9		1.951.780.981	1.071.998.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	76.636.218
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		38.002.619.103	13.045.268.629
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.19	18.811.037.148	6.852.840.196
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		19.191.581.955	6.192.428.433
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.20	16.383.183.952	4.090.584.258
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.808.398.003	2.101.844.175
8. Thu nhập khác	31	VI.21	152.101.239	93.452.652
9. Chi phí khác	32	VI.22	45.522.495	1.921.000.553
10. Lợi nhuận khác	40		106.578.744	(1.827.547.901)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.914.976.747	274.296.274
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.23	171.246.433	54.859.255
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.743.730.314	219.437.019
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*(Đã ký)**(Đã ký)**(Đã ký)*

NGUYỄN QUỲNH MAI

NGUYỄN BÍCH DIỆP

NGUYỄN THANH TUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.914.976.747	274.296.274
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	3.838.423.030	1.116.884.687
- Các khoản dự phòng	03	2.090.673.560	(37.335.299)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(642.051.256)	(209.364.540)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.450.367.732)	21.811.168
- Chi phí lãi vay	06	6.160.158.930	2.273.226.384
3. Lợi nhuận từ hã kinh doanh trước thay đổi VLD	08	9.911.813.279	3.439.518.674
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.199.861.768)	96.107.378.010
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.841.102.449	(109.111.429.718)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	458.228.355	92.001.880
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.121.610.598)	2.028.548.825
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(55.006.881)	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	0	10.767.458.705.423
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(367.920.601)	(10.774.512.718.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.533.255.225)	(14.497.995.267)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(205.000.000)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	0	10.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của dv khác	24	91.400	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.843.364.302	58.620.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.638.455.702	68.620.462
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	386.050.000.000	228.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(421.200.000.000)	(215.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.150.000.000)	12.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(38.044.799.523)	(1.729.374.805)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	81.896.621.588	83.625.996.393
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43.851.822.065	81.896.621.588

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập

(Đã ký)

NGUYỄN QUỲNH MAI

Kế toán trưởng

(Đã ký)

NGUYỄN BÍCH DIỆP

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

NGUYỄN THANH TUYỀN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000	0	0	0	0	0	60.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		0	0	0	0	98.746.659	0	0	98.746.659
8. Quỹ dự phòng tài chính		0	0	0	0	21.943.702	0	0	21.943.702
10. Lợi nhuận chưa phân phối		324.195.846	543.632.865	219.437.019	0	2.743.730.314	219.437.019	543.632.865	3.067.926.160
Cộng		60.324.195.846	60.543.632.865	219.437.019	0	2.864.420.675	219.437.019	60.543.632.865	63.188.616.521

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập

(Đã ký)

NGUYỄN QUỲNH MAI

Kế toán trưởng

(Đã ký)

NGUYỄN BÍCH DIỆP

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

NGUYỄN THANH TUYỀN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 09 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC).

Tên giao dịch của Công ty: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES COMPANY

Tên viết tắt của Công ty: VISECURITIES

Vốn điều lệ theo Giấy phép số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 là: **60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 - Phố Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Phần mềm tin học	20 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng thất khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{cổ} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array} \right)$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí thuê nhà.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc trích lập dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập 1% từ hoa hồng nhập lệnh của nhân viên nhập lệnh (hoa hồng nhập lệnh 5% , trích quỹ 1% nhân viên nhập lệnh 4%) được quy định cụ thể tại quy chế tài chính của Công ty. Việc sử dụng quỹ này được quy định tại quy chế của công ty khi nhân viên nhập lệnh mua sai sẽ trích 80% từ quỹ dự phòng và 20% nhân viên nhập lệnh sai chịu (nếu quỹ dự phòng vẫn còn), nhân viên nhập lệnh phải chịu trách nhiệm bồi thường 100% nếu như quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư không còn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo phương án hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC) đã được thông qua tại Biên bản làm việc ngày 02/01/2014. Theo đó công ty hợp nhất sẽ lấy tên, thương hiệu và hoạt động trên nền tảng nhà đầu tư, sản phẩm, công nghệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) với tổng tài sản trên 410 tỷ đồng và vốn điều lệ 60 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
01. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	259.746	259.746
- Tiền gửi ngân hàng	43.851.562.319	75.896.361.842
Trong đó:		
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	37.884.930.202	52.076.055.550
- Các khoản tương đương tiền	0	6.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đệ Nhất	0	6.000.000.000
Cộng	43.851.822.065	81.896.621.588
02. Tình hình đầu tư tài chính		
- Cổ phiếu niêm yết	3.322.618.483	3.319.709.883
- Cổ phiếu chưa niêm yết	28.259.498.650	28.259.498.650
- Cổ phiếu chờ nhận	0	0
- Trái phiếu	000.000	3.600.000
Cộng	31.582.717.133	31.582.808.533

Ghi chú: Các chứng khoán đến ngày đáo hạn gồm cổ phiếu OTC và Trái phiếu không có sự biến động giá nên không thuyết minh trên Phụ lục 01 này chỉ thuyết minh bổ sung cho cổ phiếu niêm yết giảm giá

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	
	Mua	Bán	Mua	Bán
a. Của công ty chứng khoán	0	22	0	161.700
- Cổ phiếu		22		161.700
- Trái phiếu				
- Chứng khoán khác				
b. Của nhà đầu tư	289.327.878	289.338.358	4.390.575.116.500	4.382.380.997.200
- Cổ phiếu	289.327.878	289.338.358	4.390.575.116.500	4.382.380.997.200
- Trái phiếu				
- Chứng khoán khác				
Tổng cộng	289.372.878	289.338.380	4.390.575.116.500	4.382.381.158.900

03. Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ			Số dự phòng
	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi		
	1	2	3	4	5	6	7	8		
A										9
1. Phải thu của khách hàng	35.925.527.237	192.030.314	192.030.314	412.588.004.276	412.833.281.664	35.680.249.849	192.030.314	192.030.314		192.030.314
- Công ty CP Khoan và DV Dầu khí (PVD)	21.181.709.604	0	0	642.051.256	0	21.823.760.860	0	0		0
- Ngõ Thị Lan (*)	13.428.000.000			0	0	13.428.000.000				
- Phải thu theo Hợp đồng bán quyền nhận tiền bán chứng khoán	1.123.787.319	0	0	411.945.953.020	412.833.281.664	236.458.675	0	0		0
- Các đối tượng khác	192.030.314	192.030.314	192.030.314	0	0	192.030.314	192.030.314	192.030.314		192.030.314
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	84.717.706.836	0	0	2.295.258.793.637	2.273.076.343.327	106.900.157.146	0	0		0
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	0	0	0	161.700	161.700	0	0	0		0
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	84.627.456.436	0	0	2.295.258.631.937	2.273.023.381.627	106.862.706.746	0	0		0
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	90.250.400	0	0	0	52.800.000	37.450.400	0	0		0
3. Thuế GTGT được khấu trừ	16.500	0	0	378.518.887	378.535.387	0	0	0		0
4. Phải thu nội bộ	0	0	0	0	0	0	0	0		0
5. Phải thu khác	9.105.724.118	4.502.507.899	4.502.507.899	738.586.514.374	736.693.798.819	10.998.439.673	7.108.135.643	7.108.135.643		7.108.135.643
- Phải thu của nhà đầu tư	7.118.135.643	4.502.507.899	4.502.507.899	0	0	7.108.135.643	7.108.135.643	7.108.135.643		7.108.135.643
- Phải thu tiền lãi Ủy thác đầu tư	0	0	0	2.607.212.230	0	2.607.241.230	0	0		0
- Các đối tượng khác	1.997.588.475	0	0	735.979.273.144	736.693.798.819	1.283.062.800	0	0		0
6. Trả trước cho người bán	262.267.330	0	0	69.068.500	244.568.500	86.767.330	0	0		0
Tổng cộng:	130.011.242.021	4.694.538.213	4.694.538.213	3.446.880.899.674	3.423.226.527.697	153.665.613.998	7.300.165.957	7.300.165.957		7.300.165.957

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HĐHTĐT-VIS ngày 19/12/2014

04. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	6.053.192.760	6.258.648.283
+ Nguyễn Anh Tuấn	0	2.785.071.487
+ Trần Văn Toàn	1.800.000.000	1.650.000.000
+ Ngô Thanh Phát	1.600.000.000	1.450.000.000
+ Nguyễn Thanh Tuyên	2.094.040.000	0
+ Các đối tượng khác	559.152.760	373.576.796
Cộng	6.053.192.760	6.258.648.283

05. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>			
Tại ngày đầu năm	24.073.446.640	1.735.659.980	25.809.106.620
- Mua trong năm	205.000.000	0	205.000.000
- Tăng khác	682.058.975	0	682.058.975
Tại ngày cuối năm	24.960.505.615	1.735.659.980	26.696.165.595
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày đầu năm	20.995.599.221	1.275.304.620	22.270.903.841
- Khấu hao trong năm	2.386.674.102	129.242.770	2.515.916.872
- Tăng khác	682.058.975	0	682.058.975
Tại ngày cuối năm	24.064.332.298	1.404.547.390	25.468.879.688
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i>			
Tại ngày đầu năm	3.077.847.419	460.355.360	3.538.202.779
Tại ngày cuối năm	896.173.317	331.112.590	1.227.285.907

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Phần mềm tin học	Đơn vị tính: VND
		Tổng Cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>		
Tại ngày đầu năm	12.677.194.332	12.677.194.332
Tại ngày cuối năm	12.677.194.332	12.677.194.332
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Tại ngày đầu năm	10.458.198.332	10.458.198.332
- Khấu hao trong năm	1.322.506.158	1.322.506.158
Tại ngày cuối năm	11.780.704.490	11.780.704.490
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i>		
Tại ngày đầu năm	2.218.996.000	2.218.996.000
Tại ngày cuối năm	896.489.842	896.489.842

07. Đầu tư dài hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty CP Bất động sản Quốc Tế (Địa chỉ: Số 2 Trương Quyền, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh)	900.000.000	900.000.000
Cộng	900.000.000	900.000.000
08. Chi phí trả trước dài hạn	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	298.030.934	318.937.717
- Chi phí khác	21.704.866	57.051.286
Cộng	319.735.800	375.989.003
09. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	365.882.428	0
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	2.037.633	0
Cộng	487.920.061	120.000.000
10. Tài sản dài hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	515.540.227	212.109.300
+ Đặt cọc tiền thuê văn phòng	511.190.227	207.759.300
+ Đặt cọc khác	4.350.000	4.350.000
Cộng	515.540.227	212.109.300

11. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn	Lãi suất/năm	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
- Vay ngân hàng		112.100.000.000	322.400.000.000	384.500.000.000	50.000.000.000
+ NH TMCP Phương Đông (1)	1,5%- 8,6%	112.100.000.000	322.400.000.000	384.500.000.000	50.000.000.000
- Vay cá nhân (2)	8% - 8,5%	800.000.000	63.650.000.000	36.700.000.000	27.750.000.000
Cộng		112.900.000.000	386.050.000.000	421.200.000.000	77.750.000.000

(1): Vay ngắn hạn NH TMCP Phương Đông

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0668/2014/HĐTDHM ngày 18/11/2014

Hạn mức cho vay: 50.000.000.000

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng từ 18/11/2015 đến 18/08/2016

Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ

Tài sản đảm bảo: Cầm cố, thế chấp:

+/ 3.547.796 cp Cty CP CK Quốc tế Việt Nam

+/ 3.500,000 cp Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam do Công ty Cp Thực Phẩm Xanh sở hữu

(2): Vay ngắn hạn cá nhân

Vay ngắn hạn cá nhân khác:

Số tiền: 3.750.000.000
Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh
Lãi suất cho vay: 8%/năm

Công ty CP Phát Triển Hạ Tầng KCN Tây Ninh

* Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 30/12/2015

Số tiền: 14.000.000.000
Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh
Lãi suất cho vay: 8.5%/năm

*Hợp đồng cho vay ngày 10/11/2015

Số tiền: 10.000.000.000
Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh
Lãi suất cho vay: 8%/năm.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
12. Phải trả người bán		
- Tổng Công ty Xây dựng	16.418.319.982	16.418.319.982
- Các đối tượng khác	247.302.800	247.302.800
Cộng	16.665.622.782	16.665.622.782
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế thu giá trị gia tăng	4.980.781	18.657.615
- Thuế thu nhập cá nhân	490.602.728	415.524.087
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.098.807	54.859.255
Cộng	666.682.316	489.040.957
14. Chi phí phải trả		
- Phí kiểm toán	100.000.000	50.000.000
- Phí bảo trì phần mềm	1.430.743.860	1.535.407.860
- Chi phí phải trả Hostc và Haste	234.599.437	122.748.405
- Chi phí phải trả khác	548.283.223	266.421.411
Cộng	2.313.626.520	1.974.577.676
15. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	28.713.017	34.280.344
- Bảo hiểm xã hội	0	90.424.764
- Bảo hiểm y tế	0	6.150.564
- Bảo hiểm thất nghiệp	0	14.387.142
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	166.461.396	166.461.396
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.646.515.509	5.780.680.648
+ <i>Cổ tức phải trả cổ đông VIS</i>	<i>1.757.915.831</i>	<i>1.757.915.831</i>
+ <i>Phải trả OSC về ứng trước tiền bán CK</i>	<i>26.183.000.000</i>	<i>0</i>
+ <i>Lãi phải trả OCB</i>	<i>72.500.000</i>	<i>167.826.389</i>
+ <i>Phải trả Phạm Thị Lan Hương</i>	<i>1.550.000.000</i>	<i>1.550.000.000</i>
+ <i>Các khoản khác</i>	<i>2.083.099.678</i>	<i>2.304.938.428</i>
Cộng	31.841.689.922	6.092.384.858

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

- Phải trả tổ chức, cá nhân khác

Cộng

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
37.830.504.060	52.020.220.118
37.830.504.060	52.020.220.118

17. Vốn chủ sở hữu**17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<i>I - Vốn chủ sở hữu</i>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	0	0	60.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	0	98.746.659	0	98.746.659
4. Quỹ dự phòng tài chính	0	21.943.702	0	21.943.702
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	543.632.865	2.743.730.314	219.437.019	3.067.926.160
Tổng cộng	60.543.632.865	2.864.420.675	219.437.019	63.188.616.521

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

- Cao Quế Lâm

- Nguyễn Thị Thanh Hương

- Nguyễn Thị Thu Trang

- Trần Bình Ổn

- Các đối tượng khác

Cộng

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
3.893.120.000	3.893.120.000
15.659.710.000	15.659.710.000
4.000.000.000	4.000.000.000
4.000.000.000	4.000.000.000
8.457.990.000	8.457.990.000
23.989.180.000	23.989.180.000
60.000.000.000	60.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

Cổ tức và lợi nhuận đã chia

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
60.000.000.000	60.000.000.000
0	0
0	0
60.000.000.000	60.000.000.000

17.4 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
6.000.000	6.000.000
6.000.000	6.000.000
6.000.000	6.000.000
6.000.000	6.000.000

- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

18. Doanh thu	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	14.709.376.225	5.905.705.488
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.153.850.480	33.197.749
- Doanh thu hoạt động tư vấn	16.515.463.941	5.892.003.533
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	672.147.476	218.999.365
- Doanh thu khác	1.951.780.981	1.071.998.712
Cộng	38.002.619.103	13.121.904.847
19. Chi phí hoạt động kinh doanh	Năm nay	Năm trước
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	7.334.370.660	2.626.965.295
- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	237.800	34.015.753
- Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	700.342.034	92.055.304
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư CK niêm yết	(514.954.184)	(37.335.299)
- Chi phí lãi vay	6.160.158.930	2.273.226.384
- Lãi tiền gửi của nhà đầu tư	1.996.598.452	404.843.061
- Chi phí hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	654.715.331	673.233.029
- Chi phí chung khác	2.479.568.125	785.836.669
Cộng	18.811.037.148	6.852.840.196
20. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	4.787.705.369	1.195.859.115
- Chi phí vật liệu quản lý	53.958.760	33.833.655
- Chi phí đồ dùng văn phòng	101.520.683	26.919.134
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.838.423.030	1.116.884.687
- Thuế, phí, lệ phí	53.516.677	103.286.060
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.607.241.230	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.813.283.095	587.209.905
- Chi phí bằng tiền khác	3.127.535.108	1.026.591.702
Cộng	16.383.183.952	4.090.584.258
21. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	0	10.000.000
- Các khoản khác	152.101.239	83.452.652
Cộng	152.101.239	93.452.652

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
22. Chi phí khác		
- Phạt chậm nộp thuế môn bài	23.850	0
- Hoàn thuế bán chứng khoán cho NĐT	0	14.945.464
- Giá trị còn lại của tài sản cố định	0	1.905.305.089
- Chi phí khác	45.498.645	750.000
Cộng	45.522.495	1.921.000.553

	<i>Năm nay</i>
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.914.976.747
2. Các khoản thu nhập miễn thuế	2.082.478.206
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế	23.733.625
4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (4=1-2+3)	856.232.166
5. Số lỗ kết chuyển	0
6. Số thu nhập tính thuế TNDN trong năm (6=4-5)	856.232.166
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành (7=6*20%)	171.246.433

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Năm 2014 là năm đầu tiên hoạt động của Công ty sau hợp nhất nên Báo cáo tài chính năm 2014 chỉ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 15/9/2014 đến ngày 31/12/2014.

2. Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Ninh Quang Hải	Thành viên HĐQT	Cho vay	1.350.000.000
Ninh Thu Thu Hà	Chị của thành viên HĐQT	Cho vay	800.000.000
		Thu lại tiền cho vay	800.000.000

3. Số dư với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Ninh Quang Hải	Thành viên HĐQT	Cho vay	1.350.000.000

4. Công cụ tài chính

4.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.2 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	43.851.822.065	43.851.822.065
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.582.717.133	29.341.060.903
- Các khoản phải thu khách hàng	35.680.249.849	35.488.219.535
- Trả trước cho người bán	86.767.330	86.767.330
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	106.900.157.146	106.900.157.146
- Phải thu khác	10.998.439.673	3.890.304.030

4.3 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số dư ngày 31/12/2015
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	77.750.000.000
- Phải trả người bán	16.665.622.782
- Người mua trả tiền trước	121.000.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	37.830.504.060
- Chi phí phải trả	2.312.013.034
- Phải trả khác	31.841.689.922

4.4 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	16.665.622.782		16.665.622.782
- Người mua trả trước	121.000.000		121.000.000
- Phải trả khác	31.841.689.922		31.841.689.922
- Chi phí phải trả	2.312.013.034		2.312.013.034
- Các khoản vay	77.750.000.000		77.750.000.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng	37.830.504.060		37.830.504.060

khoán			
-------	--	--	--

5. Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong kỳ:

Các bên liên quan	Chức vụ	Số tiền (VND)
Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
Ninh Quang Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000
Cao Thanh Định	Thành viên HĐQT	7.000.000
Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	60.000.000
Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên HĐQT	24.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	1.000.000
Trần Bình Ôn	Ban Kiểm Soát	50.000.000
Nguyễn Thị Thu Hương	Ban Kiểm Soát	26.000.000
Cao Quế Lâm	Ban Kiểm Soát	16.000.000

Người lập

Kế toán trưởng

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

NGUYỄN QUỲNH MAI

NGUYỄN BÍCH DIỆP

NGUYỄN THANH TUYỀN

PHỤ LỤC 1

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Số với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
I. Chứng khoán thương mại									
- Cổ phiếu									
- Trái phiếu									
- Chứng chỉ quỹ									
- Chứng khoán khác									
II. Chứng khoán đầu tư									
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán									
Cổ phiếu NY	1.391.444	1.461.135	31.582.717.133	31.582.808.533	(2.241.656.230)	(2.756.610.414)	29.341.060.903	28.826.198.119	
	134.268	132.381	3.322.618.483	3.319.709.883	(2.241.656.230)	(2.756.610.414)	1.080.962.253	563.099.469	
TNB	132.320	132.320	3.293.628.000	3.293.628.000	2.235.017.120	(2.751.065.120)	1.058.610.880	542.562.880	
Cổ phiếu lẻ khác	1.948	61.418	28.990.483	26.081.883	(6.639.110)	(5.545.294)	22.351.373	20.536.589	
Cổ phiếu CNY	1.257.170	1.267.388	28.259.498.650	28.259.498.650			28.259.498.650	28.259.498.650	
Công ty CP Phát triển khu Công nghiệp Tín Nghĩa	378.000	378.000	15.567.798.650	15.567.798.650			15.567.798.650	15.567.798.650	
Công ty CP XD Bảo tàng HCM	29.170	29.170	1.091.700.000	1.091.700.000			1.091.700.000	1.091.700.000	
Công ty CP kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng (Cotec)	150.000	150.000	3.900.000.000	3.900.000.000			3.900.000.000	3.900.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	-	10.218	-	-					

Vượng (VP Bank)									
Xi măng La Hiên	700.000	700.000	7.700.000.000	7.700.000.000				7.700.000.000	7.700.000.000
- Trái phiếu	6	9	600.000	3.600.000	-			600.000	3.600.000
ACB		3		3.000.000					3.000.000
DBC	6	6	600.000	600.000				600.000	600.000

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập

(Đã ký)

NGUYỄN QUỲNH MAI

Kế toán trưởng

(Đã ký)

NGUYỄN BÍCH DIỆP

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

NGUYỄN THANH TUYỀN

3. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến của Kiểm soát nội bộ:

+ Kế toán: thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực kế toán và các qui định thuế liên quan

+ Ban điều hành: quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân viên, từng bước nâng cao thu nhập, cũng như các chế độ phúc lợi cho nhân viên

+ Các hoạt động khác: tuân thủ các qui định của pháp luật và điều lệ công ty

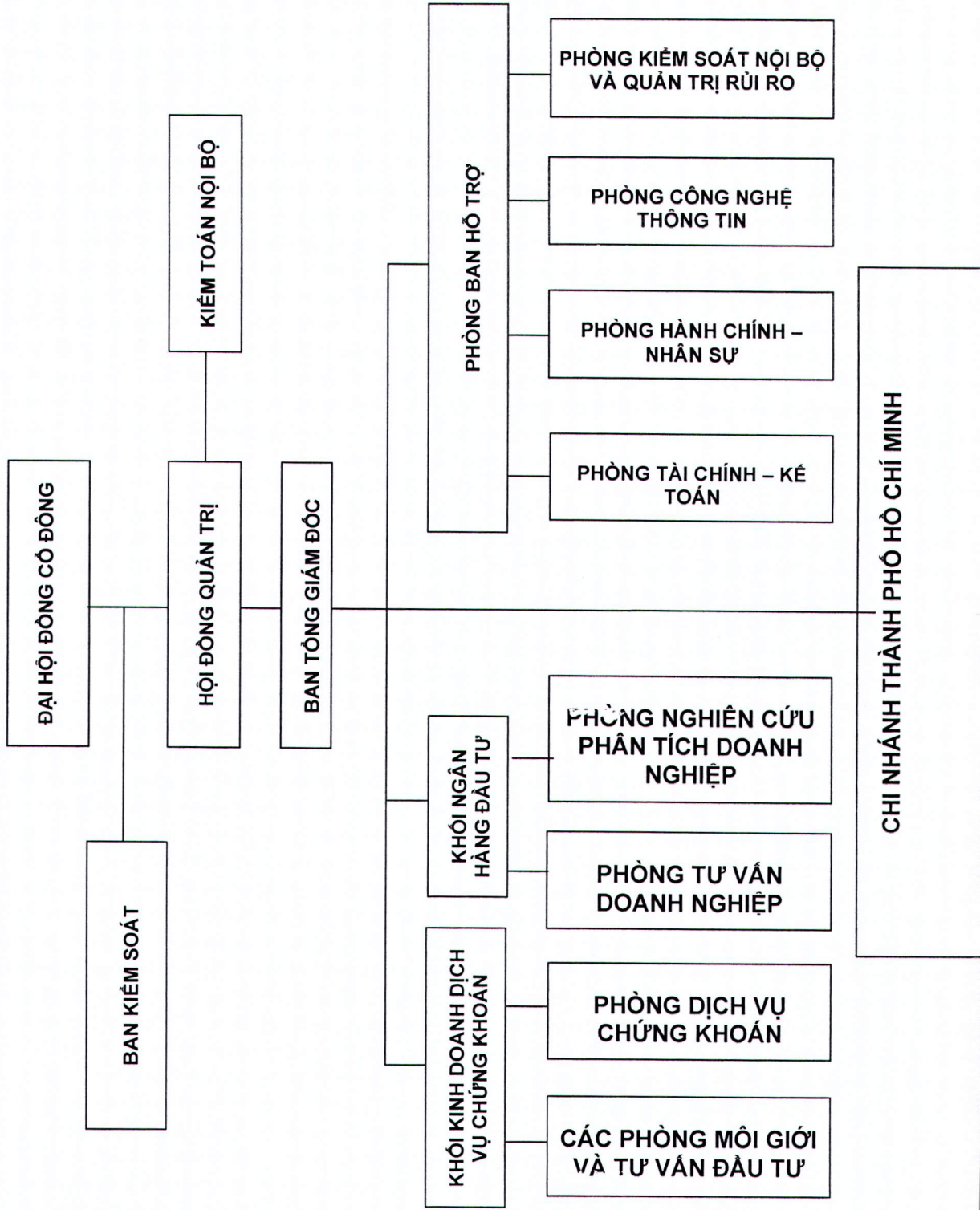
V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không có.

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không có.

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



2. Thay đổi nhân sự trong năm 2015

2.1. Thay đổi nhân sự

Đối tượng	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm đầu kỳ	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm cuối kỳ	Số lượng người thôi làm việc cho công ty trong kỳ	Số lượng người tuyển mới trong kỳ
Ban Giám đốc	3/3	2/2	2	1
Bộ phận môi giới	6/6	8/8		2
Bộ phận tư vấn	5/5	5/5		

2.2. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành

- Thay đổi thành viên HĐQT: Miễn nhiệm 02 thành viên, bổ sung 01 thành viên
- Thay đổi thành viên Ban kiểm soát: Miễn nhiệm 01 thành viên, bầu bổ sung 01 thành viên
- Thay đổi thành viên Ban điều hành: Miễn nhiệm 01 thành viên, Bổ nhiệm 01 thành viên

3. Lý lịch tóm tắt của các cá nhân trong Ban điều hành

3.1 Ông CAO THANH ĐỊNH – Tổng Giám đốc (nghỉ việc từ ngày 14/7/2015)

Ngày sinh: 13/04/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2003-2005	Trung tâm đào tạo Pháp – Việt về quản lý (CFVG)	Quản trị Kinh doanh	MBA
1990 – 1994	Trường Đại học Kinh tế Tp HCM	Tài chính – Tín dụng	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
9/2007-7/2014	Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Đông Á	Tổng Giám đốc
9/2003 – 7/2007	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Giám đốc đầu tư và dịch vụ tài chính
5/2002 – 6/2003	Công ty Bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh – CMG	Trưởng phòng kinh doanh
1/2001 – 5/2002	Ngân hàng United Overseas Bank, CN TP.HCM	Giám đốc Quan hệ Khách hàng
9/2005- 12/2000	Ngân hàng Deutsche Bank, chi nhánh TP. HCM	Giám đốc Tín dụng
1/1994 – 9/1995	Ngân hàng BFCF, Chi nhánh TP.HCM	Chuyên viên tín dụng

3.2 Ông NGUYỄN THANH TUYỀN – Tổng Giám đốc (từ ngày 14/07/2015)

Ngày sinh: 24/04/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2003-2006	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính – Ngân hàng	Thạc sỹ
05/2009	UBCKNN	Phân tích tài chính	Chứng chỉ hành nghề
08/2013	UBCKNN	Quản lý quỹ	Chứng chỉ hành nghề

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2001-10/2006	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Quản lý
10/2006-09/2007	Công ty Chứng khoán Sacombank - SBS	Phân tích
2007-2010	Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông	Trưởng phòng Đầu tư
2010-2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông	P.TGD
2011-2014	Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông	TGD
2014-07/2015	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Chánh Văn phòng HĐQT
07/2015-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Tổng Giám đốc

3.3 Ông TRẦN VĂN TOÀN – Giám đốc Chi nhánh

Ngày sinh: 10/10/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kỹ sư

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1998-2004	Trường Đại học Bách khoa	KT Công trình	Kỹ sư
2005-2008	Trường Đại học Kinh tế	Quản trị Kinh doanh	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003-2005	Công ty CP đầu tư 135 (nay là CTCP ĐTXD Thái Bình Dương)	Chuyên viên Ban quản lý dự án
2005-2006	Sở Giao thông Công chánh	Chuyên viên quy hoạch
2007-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Giám đốc chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu cổ đông

1.1. Cổ đông lớn

STT	Cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần/ phần vốn góp	Số giấy CMND/ Giấy CNDKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở chính
1	NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM	055772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 14/02/1996.	Tầng 1, Tầng 6, Tầng 7, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Cao Quế Lâm	038069000037 cấp ngày 16/09/2014 tại Hà nội	số 75 ngách 160/68 đường Hồng Liên, Thanh Xuân, Hà Nội
3	Trần Bình Ôn	341618105, cấp ngày 19/4/2013 tại Đồng Tháp	K4, TT Mỹ An, Tháp Mười, Đồng Tháp

1.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Cơ cấu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
A	Cổ đông là cá nhân	5,356,361	89%
1	Cổ đông trong nước	5,226,361	87%
1.1	Cổ đông nội bộ VIS (bao gồm CBCNV, HĐQT, BKS, KTT)	2,865,530	48%
1.2	Cá nhân ngoài Công ty (trong nước)	2,360,831	39%
2	Cổ đông nước ngoài	130,000	2%
B	Cổ đông là tổ chức	643,639	11%
1	Tổ chức trong nước	643,639	11%
2	Tổ chức nước ngoài	0	0
	Tổng cộng	6,000,000	100%

2. Hội đồng quản trị

2.1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày sinh:

Trình độ chuyên môn:

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2008 – 2012	Đại Học Sư phạm Hà Nội	Giáo dục mầm non	

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

01/2014 – 9/2014	Công ty CP Chứng khoán Đại Tây Dương	Chủ tịch HĐQT
9/2014 – 10/2014	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Thành viên HĐQT
10/2014 - nay	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

2.2. Bà NGUYỄN THANH THỦY – Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành điện tử

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1980-1984	Đại học Sư phạm I Hà Nội	Vật lý	

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2007-nay	Công ty CP CK Quốc Tế Việt Nam	Thành viên HĐQT

2.3. Ông CAO THANH ĐỊNH – Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 14/07/2015)

2.4. Ông NGUYỄN THANH TUYỀN – Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm 23/04/2015)

2.5. Ông NINH QUANG HẢI – Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1976-1981	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Động cơ đốt trong	

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1985-1989	Viện khoa học kỹ thuật Bộ giao thông	
1990-2000	Làm NCS tại Ba Lan	
2012-nay	Công ty CP CK quốc tế Việt Nam	Thành viên HĐQT

3. Ban kiểm soát

3.1. Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Ngày sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1989-1993	Đại học Sư phạm I, Hà Nội	Sinh – KTNN	
1999-2002	Đại học Ngoại Thương, Hà Nội	Kinh tế đối ngoại	

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996-1999	Kinh doanh	
1999-2000	NH TMCP Quốc Tế VN, CN TP HCM	Giao dịch viên
2002-nay	Hội sở NH TMCP Quốc Tế VN	Chuyên viên cao cấp
2006-2012	Công ty CP CK Quốc Tế Việt Nam	Thành viên HĐQT
2012-nay	Công ty CP CK Quốc Tế Việt Nam	Thành viên BKS

3.2. Ông TRẦN BÌNH ỔN

Ngày sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân nông nghiệp

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1976-1981	Trường Đại học NN 1 Hà Nội	Trồng trọt	

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2012-nay	Công ty CP CK Quốc Tế Việt Nam	Thành viên BKS

3.3. Ông CAO QUẾ LÂM

Ngày sinh: 12/05/1969

Trình độ chuyên môn:

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2007-2008	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Nhân viên

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2007-2008	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Nhân viên
2009-2014	Kinh doanh	
2014-nay	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Trưởng phòng Hành chính nhân sự

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH TUYỀN

